

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/KDTM-ST
Ngày 13/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Đăng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 85/2022/TLST-KDTM ngày 18/10/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2023/TB-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Nội thất G; địa chỉ: Đường D2, khu công nghiệp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Ngọc Tuấn A, sinh năm 1991; địa chỉ: 25/21 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Số 085 tổ 4, khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn D, sinh năm 1987; chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH F; địa chỉ: Số 522/a tổ 4, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn D, sinh năm 1987; chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH G trình bày:

Ngày 01 tháng 8 năm 2021, Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty K) thỏa thuận ký kết Hợp đồng kinh tế số KN-08.2021/HĐKT-GL. Theo đó, Công ty G đồng ý bán cho Công ty K hàng hóa là mứt xộp các loại căn cứ theo nhu cầu cụ thể của Công ty K. Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng thì phương thức giao gửi đơn đặt hàng, phương thức nhận hàng bằng văn bản hoặc bằng fax, về phương thức thanh toán quy định tại Điều 2 của hợp đồng là hai bên phải đối chiếu công nợ và thanh toán tiền hàng trong thời hạn 30 ngày và chậm nhất là ngày 05 của tháng kế tiếp.

Thực hiện hợp đồng, Công ty G đã giao toàn bộ số lượng hàng hoá như Công ty K đã đặt hàng, xuất hoá đơn giá trị gia tăng, đến hạn thanh toán nợ, Công ty G đã ban hành thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng Công ty K vẫn không thanh toán.

Xét thấy, việc Công ty K không thanh toán tiền hàng cho Công ty G là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty G. Vì vậy, nguyên đơn Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc bị đơn Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền là: 513.862.856 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc là 480.245.660 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính là 07 tháng với lãi suất 1%/tháng là $480.245.660 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 33.617.196 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 480.245.660 đồng và lãi phát sinh từ ngày 16/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 13/6/2023 làm tròn là 12 tháng với lãi suất 10%/năm là $480.245.660 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 48.024.566 \text{ đồng}$, tổng cộng là 528.270.226 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty G) khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty K) phải thanh toán 528.270.226 đồng tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả theo Hợp đồng kinh tế số KN-08.2021/HĐKT-GL ngày 01/8/2021, đây là vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty K có trụ sở tại phường V, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định tại Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

[1] Ngày 01 tháng 8 năm 2021, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số KN-08.2021/HĐKT-GL về việc mua bán hàng hoá là mút xốp các loại. Nguyên đơn cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán (nguyên đơn) đã giao hàng và xuất hoá đơn cho bên mua (bị đơn), tuy nhiên bị đơn chưa thanh toán. Nguyên đơn đã ban hành 03 lần thông báo nhắc nợ vào các ngày như sau: Thông báo nhắc nợ lần 1 ngày 16/5/2022, Thông báo nhắc nợ lần 2 ngày 30/5/2022, Thông báo nhắc nợ lần 3 ngày 13/6/2022 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán.

[2] Xét thấy, Hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa số KN-08.2021/HĐKT-GL ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa nguyên đơn và bị đơn được đại diện theo pháp luật của hai bên ký kết, có đóng dấu pháp nhân tham gia hợp đồng là Công ty TNHH G và Công ty TNHH K, do đó có căn cứ xác định lời trình bày của nguyên đơn về việc tham gia giao dịch mua bán hàng hoá với bị đơn là có thật. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ giao hàng: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là các phiếu giao hàng xác định bên nhận hàng là Công ty TNHH F đã nhận đủ hàng hoá theo các đơn đặt hàng. Xét thấy, mặc dù hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn không có bên nhận hàng là Công ty TNHH F tham gia tuy nhiên căn cứ nội dung biên bản xác minh ngày 06/6/2023 thì bị đơn có kê khai, báo cáo khấu trừ thuế đối với các hoá đơn giá trị gia tăng số 0000308 ngày 31/3/2022, số 00003453 ngày 31/12/2021, số 00003175 ngày 30/11/2021, số 0002892 ngày 30/10/2021, số 0002721 ngày 30/9/2021, số 0002641 ngày 31/8/2021 và số 0003711 ngày 29/01/2022 tại Chi cục Thuế khu vực T. Do vậy, có cơ sở xác định Công ty TNHH F là đơn vị nhận hàng và bị đơn là đơn vị mua hàng và xuất hoá đơn thanh toán, các loại hàng hoá trong đơn đặt hàng phù hợp với các tài liệu xác định về việc nhận hàng hoá, hoá đơn giá trị gia tăng cho nên có cơ sở xác định bên mua đã nhận đủ tất cả các loại hàng hoá theo đơn đặt hàng, đúng thoả thuận hợp đồng kinh tế đã giao kết. Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH F đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng nên xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong giao kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng: Theo qui định tại khoản 2.1 và 2.3 Điều 2 của hợp đồng thì *“Bên B (bên mua) thanh toán cho Bên A (bên bán) 100% tiền hàng trong vòng 30 ngày căn cứ theo bảng đối chiếu công nợ và hoá đơn tài chính”*; *“Hai bên tiến hành chốt số liệu và đối chiếu công nợ vào ngày cuối cùng của tháng phát sinh, chậm nhất 05 ngày của tháng kế tiếp phải hoàn thành việc đối chiếu và chốt công nợ, nếu qua thời hạn trên thì xem như bên B thống nhất với số liệu mà bên A cung cấp và bên A căn cứ số liệu trên để xuất hoá đơn tài chính”*. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có cơ sở xác định, quá trình thực hiện hợp đồng bên bán là nguyên đơn đã phát hành các hoá đơn giá trị gia tăng, đồng thời bị đơn đã kê khai, báo cáo khấu trừ thuế đối với toàn bộ các hoá đơn này, cho nên xét lời trình bày của nguyên đơn về số nợ bị đơn chưa thanh toán là có thật.

[5] Xét thấy, bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hoá, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán: Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là 10%/năm kể từ ngày kết thúc Thông báo nhắc nợ lần 3 ngày 15/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 12 tháng. Xét yêu cầu về mức lãi suất của nguyên đơn thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Như vậy, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền như sau:

- Nợ gốc là 480.245.660 đồng.

- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 13/6/2023 làm tròn là 12 tháng với lãi suất 10%/năm là $480.245.660 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 48.024.566 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là 528.270.226 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH K phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH G các khoản tiền như sau:

- Nợ gốc là 480.245.660 đồng.

- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 13/6/2023 là $480.245.660 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 48.024.566 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: 528.270.226 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Bị đơn Công ty TNHH K phải chịu 25.130.809 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2 Nguyên đơn Công ty TNHH G không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.555.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006314 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm